TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13- 8 -2020
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Cao Hoài Hiêm
2. Ông Lê Đình Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:
- *Nguyên đơn*: Chị NTVC, sinh năm: 19.., (có mặt)
- *Bị đơn*: Anh TCC, sinh năm: 19.., (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh T.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Tây Ninh - Phòng Giao dịch Gò Dầu (Sacombank)
Địa chỉ: KP4/9AC, Nội ô B, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
Đại diện theo pháp luật: Bà NĐTD- Tổng Giám đốc.
Đại diện theo uỷ quyền: Ông NQH, sinh năm: 19.., là Trưởng Phòng giao dịch Gò Dầu - Sacombank Tây Ninh, theo giấy uỷ quyền ngày 16-12-2019. (có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-5-2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị NTVC trình bày: Chị và anh TCC tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã B, huyện T (nay là xã P, thị xã T). Ngày cưới bên chồng có cho tôi 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, 01 bộ vòng xi men, nhẫn cưới, số vàng này vợ chồng bán làm vốn hết. Cưới xong vợ chồng sống chung bên chồng, đến đầu năm 2009 vợ chồng cất nhà ở riêng trên đất của cha mẹ chồng cho, nhưng vợ chồng đã bán trả nợ cho anh C vào năm 2017, từ đó anh C về ở nhà cha mẹ ruột, còn chị về nhà cậu ruột ở, vợ chồng sống ly thân luôn.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do từ năm 2015, vợ chồng sống không phù hợp, hay cải vã gây gổ nhau, mỗi lần cải vã là anh C bỏ đi 1, 2 ngày, sau đó anh đi 01 tuần, gọi điện thì không liên lạc được, sau đó anh về thì vợ chồng vẫn sống bình thường, nhưng anh đi đâu làm gì thì không nói cho chị biết, do tự ái nên chị cũng không hỏi, anh đi làm ăn thiếu nợ về nói chị phải bán tài sản trả nợ vào năm 2015, sau đó vợ chồng vay tiền Ngân hàng nhiều lần để làm vốn, năm 2017 số nợ nhiều, vợ chồng bán căn nhà trả bớt số nợ cho Ngân hàng, nên hiện nay vẫn còn nợ. Đầu năm 2017 vợ chồng có lời qua tiếng lại cải vã, giận hờn nhau, cuộc sống vợ chồng ngày càng phai nhạt, không hạnh phúc, cũng không còn quan hệ tình cảm nhau, nên chị bỏ về nhà cậu ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5-2017, thỉnh thoảng anh C có đến thăm con rồi đi, chứ không ở lại. Nay vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên chị xin ly hôn với anh C;

- Về con chung: Có 02 con tên TNTD, sinh ngày 13-9-2007 và TNQD, sinh ngày 07-5-2017, hiện cháu TD sống với anh C, còn cháu QD sống với chị, chị yêu cầu mỗi người được tiếp tục nuôi con, không ai cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung và tài sản riêng: Chị không yêu cầu giải quyết;

- Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng Sacombank Gò Dầu số tiền 850.000.000 đồng chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh TCC trình bày: Anh xác nhận lời trình bày của vợ anh về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng và mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 5-2017. Thời gian này vợ chồng có gặp nhau bàn việc ở lại, nhưng do công việc của anh thường xuyên đi làm ăn xa nên vợ chồng không thể ở lại được. Nay vợ xin ly hôn, thì anh đồng ý ly hôn, nhưng anh xin thời gian để giải quyết tài sản và nợ xong sẽ ly hôn;

Về con chung: Có 02 con như vợ khai là đúng, vợ đang nuôi cháu QD, anh nuôi cháu TD, anh đồng ý mỗi người tiếp tục nuôi con, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai;

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết;

Còn hai phần đất ruộng là tài sản riêng của vợ, anh không có ý kiến;

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng Sacombank Gò Dầu số tiền 850.000.000 đồng vào tháng 3-2020, anh không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NQH trình bày: Ông xác nhận vợ chồng ông TCC, bà NTVC có nợ Ngân hàng số tiền vay là 850.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay ngày 06-3-2020, tài sản thế chấp là 03 quyền sử dụng đất. Hiện nay khoản vay của khách hàng ông C và bà C còn trong hạn và cá nhân ông bà phải có trách nhiệm trả nợ đến khi tất toán khoản vay trên. Do đó Sacombank kính đề nghị quý Toà án không thực hiện giải quyết phân chia trách nhiệm trả nợ và phân chia tài sản đang thế chấp, còn việc giải quyết ly hôn quý Toà án tiến hành theo quy định của pháp luật. Ngày 31-7-2020 Sacombank - Phòng giao dịch Gò Dầu có đơn xin giải quyết vắng mặt, do bận công việc.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia

tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên anh Công có nhiều lần vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh C; về con chung: Giao chị C tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cháu TNQD, sinh ngày 07-5-2017; giao anh C tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cháu TNTD, sinh ngày 07-5-2017. Ghi nhận chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, và tài sản riêng: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết; về nợ chung: Anh chị và Ngân hàng thống nhất có nợ số tiền 850.000.000 đồng và tiền lãi, chị C, anh C và Ngân hàng không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị C có đơn xin ly hôn với anh C, Toà án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị C và anh C tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh C đi làm xa ít khi về nhà, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, anh chị không còn tin tưởng nhau về tình cảm và tiền bạc, nên chị C bỏ về nhà cậu ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5-2017. Nay chị C xin ly hôn, anh C đồng ý ly hôn. Tại Toà anh không đồng ý ly hôn, do chưa giải quyết nợ xong.

Xét thấy, mâu thuẫn của hai anh chị xảy ra từ năm 2017, do anh chị không tin tưởng lẫn nhau về tình cảm và tiền bạc, nên hay cải vã gây gổ, từ năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm với nhau, mạnh ai làm nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị C, anh C thống nhất có 02 con tên TNTD, sinh ngày 13-9-2007 và TNQD, sinh ngày 07-5-2017, hiện cháu TD sống với anh C, cháu QD sống với chị C. Anh chị thống nhất mỗi người được tiếp tục nuôi con, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Xét thấy, anh chị thoả thuận về nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của cháu TD và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung và tài sản riêng*: Chị C, anh C không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Anh chị thống nhất có nợ Ngân hàng Sacombank - Phòng giao dịch Gò Dầu số tiền 850.000.000 đồng vào tháng 3-2020 và tiền lãi. Nay chị C, anh C và Ngân hàng không yêu cầu, nên không giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị C phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị NTVC đối với anh TCC. Chị C được ly hôn với anh C.

2. *Về con chung*: Giao chị C được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu TNQD, sinh ngày 07-5-2017; giao anh C được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu TNTD, sinh ngày 13-9-2007. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị C và anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và tài sản riêng*: Chị C, anh C không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Chị C, anh C và Ngân hàng không yêu cầu, nên không giải quyết.

5. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị C chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị C đã nộp theo Biên lai thu số 0018063 ngày 28-4-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Tx Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Tx Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị An